

CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco (AST)

Khả quan

Dịch vụ tiêu dùng

Giá hiện tại	VND63.000
Cao/Thấp nhất 52 tuần	VND63.601/50.404
Giá mục tiêu	VND84.500
Giá mục tiêu trước đó	VND71.200
Consensus	VND70.530
Tiềm năng tăng giá	34,1%
Tỷ suất cổ tức	5,3%
Tổng tỷ suất sinh lời	39,4%

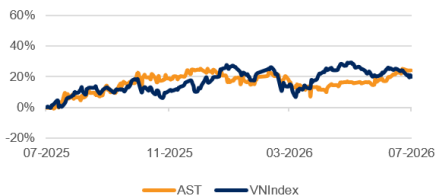
Triển vọng	Tích cực
Định giá	Tích cực
Phân tích kỹ thuật	Tích cực

Thị giá vốn (tr)	129,6
GTGDBQ 3 tháng (tr)	0,1
Sở hữu NN (tr)	3,1
Số cổ phiếu lưu hành (tr)	54,0
Số cổ phiếu sau pha loãng (tr)	54,0

	AST	VNI
P/E trượt	11,6x	14,2x
P/B hiện tại	4,9x	2,2x
ROA	29,2%	2,5%
ROE	46,7%	15,6%

*dữ liệu ngày 17/07/2026

Diễn biến giá



Giá cổ phiếu	1T	3T	6T
AST	4,6%	11,1%	6,5%
Tương quan VN index	-1,0%	-1,6%	-4,9%

Cơ cấu sở hữu

Tập đoàn Taseco	51,0%
PENM IV Germany GmbH & Co.KG	17,6%
STIC Pan-Asia 4th Industry Growth	
Private Equity Fund	10,0%
Khác	21,4%

Tổng quan doanh nghiệp

AST là doanh nghiệp bán lẻ phi hàng không hàng đầu tại Việt Nam, vận hành hơn 120 cửa hàng tại bảy sân bay lớn trên toàn quốc. Bên cạnh mảng bán lẻ cốt lõi, công ty còn vận hành một khách sạn tiêu chuẩn 4 sao tại Đà Nẵng, đồng thời nắm cổ phần tại liên doanh cung cấp suất ăn hàng không.

Chuyên viên phân tích:



Nguyễn Thị Quyên

quyen.nguyen2@vndirect.com.vn

Hưởng lợi từ làn sóng mở rộng sân bay

- Chúng tôi duy trì khuyến nghị Khả quan với tiềm năng tăng giá 34,1%. Chúng tôi nâng giá mục tiêu thêm 18,5% trong khi giá cổ phiếu đã tăng 9% kể từ báo cáo gần nhất.
- Giá mục tiêu cao hơn chủ yếu nhờ nâng dự phóng EPS trong giai đoạn 2026-27.
- AST đang giao dịch ở mức P/E hiện tại 11,6 lần, là mức hấp dẫn nhờ tốc độ tăng trưởng kép bình quân của lợi nhuận ròng giai đoạn 2026-2027 đạt 25%.

Điểm nhấn tài chính

- Doanh thu Q1/26 tăng 44,5% svck lên 556 tỷ đồng, nhờ lưu lượng hành khách gia tăng và mở rộng hệ thống cửa hàng.
- Chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận ròng tăng 25%/24,9% svck, đạt 308 tỷ/385 tỷ đồng trong giai đoạn 2026–2027, nhờ doanh thu tăng và đóng góp tích cực từ mảng suất ăn hàng không thông qua công ty liên kết VINACS.

Tiêu điểm đầu tư

Doanh thu duy trì đà tăng trưởng giai đoạn 2026–2027.

Chúng tôi kỳ vọng lượng hành khách quốc tế duy trì mức tăng trưởng hai chữ số trong giai đoạn 2026–2027 bất chấp những tác động căng thẳng từ Trung Đông. Theo đó, AST được kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng doanh thu tích cực tăng 28,5% trong 2026 và 21,9% trong 2027, đạt lần lượt 2.223 tỷ đồng và 2.702 tỷ đồng. Động lực tăng trưởng đến từ 2 yếu tố chính: số lượng cửa hàng của AST tăng 5,1% so với đầu năm trong năm 6T/26 và tăng trưởng doanh thu/cửa hàng mạnh mẽ, ước đạt CAGR 21,5%/năm, phù hợp với đà gia tăng của lưu lượng hành khách quốc tế.

Mảng suất ăn hàng không mở ra dự địa tăng trưởng dài hạn cho AST

Mảng suất ăn hàng không được kỳ vọng đóng góp vào tăng trưởng dài hạn của AST thông qua khoản đầu tư sở hữu 29,3% cổ phần tại VINACS. Đây là lĩnh vực có rào cản gia nhập cao do yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn thực phẩm và vận hành, giúp các doanh nghiệp hiện hữu duy trì lợi thế cạnh tranh. Động lực tăng trưởng sẽ rõ nét hơn khi Sân bay Quốc tế Long Thành đi vào hoạt động. Dự án nhà máy suất ăn của VINACS tại Long Thành đã hoàn thiện và sẵn sàng vận hành đồng bộ với sân bay, qua đó nâng công suất từ 20.000 lên 40.000 suất/ngày, đáp ứng nhu cầu gia tăng và tạo dự địa tăng trưởng lợi nhuận cho AST trong dài hạn.

Tiềm năng tăng trưởng dài hạn đến từ các dự án hạ tầng sân bay lớn

AST sở hữu tiềm năng tăng trưởng dài hạn đáng kể từ các dự án hạ tầng sân bay đang triển khai. Giai đoạn 1 của Sân bay quốc tế Long Thành, với công suất 25 triệu hành khách/năm, dự kiến đi vào hoạt động trong tháng 12/2026. Dự án mở rộng sân bay Phú Quốc và dự án sân bay Gia Bình cũng đang được triển khai và kỳ vọng sẽ sớm đi vào hoạt động trong năm 2027. Mặc dù kế hoạch phân bổ mặt bằng kinh doanh chưa được công bố, nhưng AST đã chứng minh khả năng giành được vị trí bán lẻ tốt tại các sân bay, nên công ty có thể sớm khai thác thêm doanh thu mới ngay khi dự án đi vào hoạt động.

Định giá hấp dẫn dựa trên triển vọng tăng trưởng 2026-27

AST hiện đang giao dịch tại mức P/E 11,6x, thấp hơn mức trung bình 2 năm là 15,4x. Giá mục tiêu của chúng tôi là 84.500 đồng/cp, tương ứng tiềm năng tăng giá 34,1%, mà theo chúng tôi là phản ánh hợp lý hiệu quả vận hành cùng triển vọng tăng trưởng lợi nhuận vững chắc trong các năm tới.

	2024	2025	2026	2027
Tăng trưởng DT thuần	20,9%	29,8%	28,7%	21,6%
Tăng trưởng EPS	28,6%	65,8%	25,0%	24,9%
Biên lợi nhuận gộp	61,1%	63,5%	64,5%	64,8%
Biên LN ròng	11,2%	14,3%	13,9%	14,2%
P/E (x)	19,8	16,9	11,0	8,8
Rolling P/B (x)	4,0	5,0	3,0	2,4
ROAE	24,6%	37,8%	34,0%	30,4%
Nợ ròng trên VCSH	(62,3%)	(53,3%)	(52,1%)	(63,7%)

20202Triển vọng 2026-27: Doanh thu bán lẻ duy trì tăng trưởng mạnh mẽ, lợi nhuận từ công ty liên kết hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận

Hình 1: Dự phóng KQKD 2026-27

(tỷ đồng)	Cũ			Mới						Nhận xét
	2025	2026	2027	2026	%Δ	% svck	2027	%Δ	% svck	
Doanh thu	1.727	2.099	2.350	2.223	5,9%	28,7%	2.702	15,0%	21,6%	Chúng tôi kỳ vọng doanh thu mảng bán lẻ sân bay của AST sẽ tăng 28,5%/21,9% svck trong 2026-27, được thúc đẩy bởi (1) dự báo doanh thu trên mỗi cửa hàng tăng 22%/21% svck, phù hợp với kết quả Q1/26, và (2) mạng lưới cửa hàng của AST mở rộng 5,1% svck trong 6T/26
Bán lẻ sân bay	1.657	1.994	2.231	2.129	6,8%	28,5%	2.594	16,3%	21,9%	
Khách sạn	70	105	119	94	-10,9%	34,5%	107	-9,9%	14,3%	
Lợi nhuận gộp	1.096	1.345	1.502	1.434	6,6%	30,8%	1.750	16,5%	22,1%	
Biên LN gộp	63,5%	64,1%	63,9%	64,5%	0,4 đ %	1,0 đ %	64,8%	0,8 đ %	0,3 đ %	
Chi phí bán hàng và QLDN	739	901	1.012	972	7,9%	31,5%	1.185	17,1%	22,0%	
% doanh thu	42,8%	42,9%	43,1%	43,7%	0,8 đ %	0,9 đ %	43,9%	0,8 đ %	0,1 đ %	
EBIT	357	444	490	462	4,0%	29,4%	565	15,2%	22,3%	
Biên EBIT	20,7%	21,2%	20,9%	20,8%	-0,4 đ %	0,5 đ %	20,9%	0,0 đ %	0,1 đ %	
Thu nhập tài chính	12	5	7	3	-42,2%	-75,7%	5	-23,1%	85,3%	
Doanh thu tài chính	16	13	13	11	-18,1%	-32,0%	11	-10,6%	6,4%	
Chi phí tài chính	4	8	6	8	-3,7%	91,7%	6	3,7%	-22,0%	
LN từ công ty liên kết	17	NA	NA	27	NA	58,0%	42	NA	56,4%	Chúng tôi dự báo thu nhập từ VINACS đạt 27/42 tỷ đồng giai đoạn 2026-27, dựa trên kết quả kinh doanh vượt kỳ vọng trong Q1/26 cùng triển vọng tăng trưởng khi dự án Long Thành đi vào hoạt động
LN trước thuế	377	455	504	496	9,2%	31,9%	618	22,6%	24,5%	
Lợi nhuận ròng	246	280	311	308	10,0%	25,0%	385	23,9%	24,9%	

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Triển vọng tăng trưởng được củng cố nhờ lượng khách du lịch quốc tế duy trì đà tăng

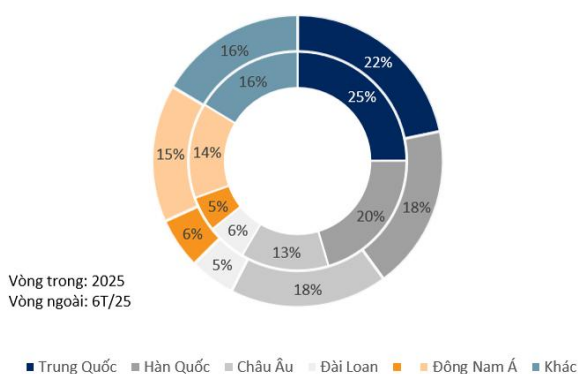
Trong 6T/26, bất chấp những tác động từ căng thẳng tại Trung Đông đối với ngành hàng không, lưu lượng hành khách thông qua các cảng hàng không vẫn đạt 26 triệu lượt, tăng 14,9% svck. Trung Quốc và Hàn Quốc tiếp tục là hai thị trường khách quốc tế lớn nhất, đóng góp gần 40% tổng lượng khách, qua đó duy trì vai trò là động lực chính hỗ trợ tăng trưởng ngành du lịch và hàng không. Bên cạnh các thị trường truyền thống, các thị trường mới như Ấn Độ, châu Âu và một số quốc gia Đông Nam Á đang ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, mở ra dư địa tăng trưởng mới cho ngành. Trong đó, Nga và Ấn Độ là hai thị trường tăng trưởng nổi bật với lần lượt 743.000 lượt khách (+186% svck) và hơn 491.000 lượt khách (+45,6% svck), cùng với đà phục hồi mạnh từ các thị trường Đông Nam Á như Campuchia (+41,2%), Philippines (+67,6%), Indonesia (+26,5%), Singapore (+29,4%) và Malaysia (+23,4%).

Chúng tôi dự báo tốc độ tăng trưởng khách quốc tế sẽ đạt 2 chữ số, khoảng 14% svck trong giai đoạn 2026-2027, chủ yếu được dẫn dắt bởi các thị trường sau:

- Trung Quốc tiếp tục là thị trường nguồn khách lớn nhất nhờ đẩy mạnh hợp tác du lịch song phương và sự phục hồi của các đường bay giữa hai nước.
- Châu Âu dự kiến tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao, dẫn dắt bởi thị trường Nga với mức tăng trưởng khoảng 150% YoY lên 1,7 triệu lượt. Động lực đến từ sự dịch chuyển dòng khách do yếu tố địa chính trị, mở rộng kết nối hàng không và chính sách thị thực thuận lợi.
- Đông Nam Á được kỳ vọng duy trì đà tăng, nhờ lợi thế khoảng cách gần, tần suất bay cao và chi phí cạnh tranh, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu du lịch ngắn ngày tiếp tục gia tăng.
- Thị trường Ấn Độ được kỳ vọng tiếp tục duy trì tăng trưởng tích cực, nhờ quy mô khách du lịch ra nước ngoài lớn, tầng lớp trung lưu ngày càng mở rộng và kết nối hàng không trực tiếp giữa hai quốc gia được cải thiện, với thời gian bay chỉ khoảng 4–5 giờ. Bên cạnh nhu cầu du lịch nghỉ dưỡng, thị trường này còn được thúc đẩy bởi sự gia tăng của phân khúc du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm và du lịch cưới tại các điểm đến biển đảo như Phú Quốc, Đà Nẵng, Nha Trang và Hạ Long.

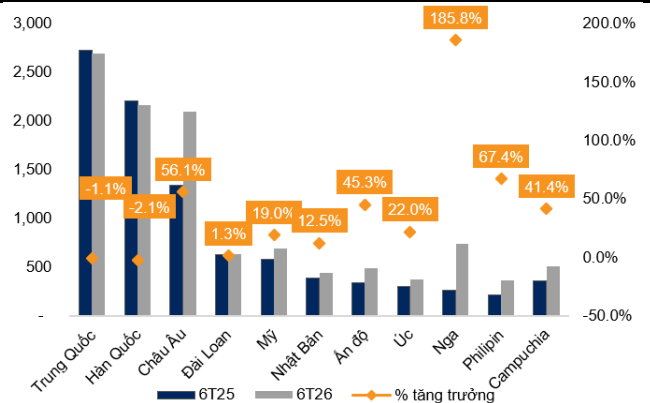
Đối với lưu lượng khách nội địa, trong 6T/26, lượng hành khách nội địa đi ngang svck, đạt 37 triệu lượt. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc căng thẳng leo thang tại khu vực Trung Đông khiến giá nhiên liệu bay tăng cao, dẫn đến các hãng hàng không cắt giảm khoảng 15% công suất khai thác kể từ tháng 4/2026, chủ yếu ở các đường bay nội địa, để ứng phó với áp lực chi phí và tình trạng thiếu hụt nhiên liệu bay. Dù vậy, trong trung và dài hạn, nhu cầu vận tải hàng không nội địa vẫn được kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng ổn định, nhờ 1) thu nhập bình quân đầu người tiếp tục cải thiện, 2) hạ tầng hàng không được đầu tư và mở rộng mạnh mẽ, và 3) các hãng hàng không tích cực gia tăng quy mô đội bay. Theo đó, chúng tôi dự báo lượng hành khách nội địa sẽ giảm nhẹ 5% svck trong năm 2026 trước khi phục hồi với mức tăng trưởng 10% svck trong năm 2027.

Hình 2: Tỷ trọng khách quốc tế theo từng quốc gia trong 6T26



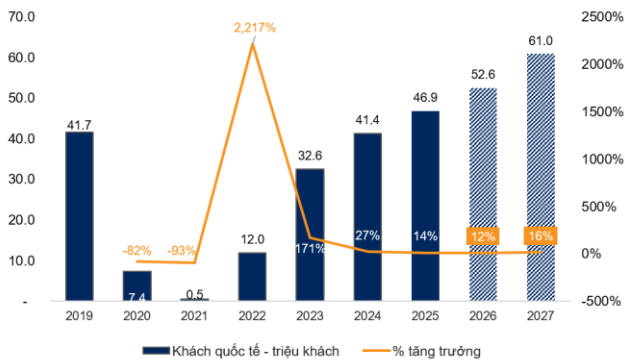
Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, GSO

Hình 3: Các thị trường khách du lịch trọng điểm đến Việt Nam trong 6T26



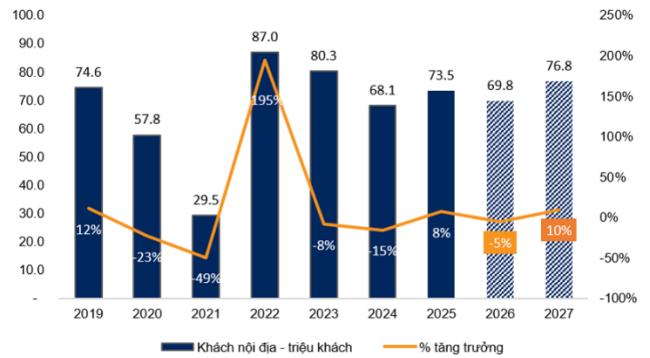
Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, GSO

Hình 4: Dự phóng lượng khách quốc tế tiếp tục tăng trưởng 2026-2027



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, GSO

Hình 5: Dự phóng lượng khách nội địa tăng trưởng trở lại từ 2027



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, CAAV

Mảng bán lẻ hưởng lợi nhờ mở rộng thêm cửa hàng ở nhà ga T2 Nội Bài

AST được hưởng lợi từ đà tăng trưởng bền vững của lượng khách quốc tế, ngoài ra việc Nhà ga T2 Nội Bài mở rộng đi vào hoạt động từ tháng 12/2025 đã tạo điều kiện để AST mở rộng mạng lưới cửa hàng. Theo chia sẻ từ ban lãnh đạo, trong 6T/26, công ty đã đưa vào vận hành thêm 6 cửa hàng (+5,1% so với đầu năm), bao gồm các mảng bán hàng lưu niệm, nhà hàng đồ ăn nhanh và bán hàng miễn thuế. Đồng thời, AST kỳ vọng tiếp tục trúng thầu các vị trí kinh doanh mới trong Q3/26 và mở rộng sang các dịch vụ có biên lợi nhuận cao như spa. Chúng tôi cho rằng việc đa dạng hóa danh mục dịch vụ và tối ưu cơ cấu kinh doanh sẽ góp phần duy trì tăng trưởng doanh thu cũng như cải thiện hiệu quả hoạt động của AST trong các năm tới.

Trong Q1/26, AST ghi nhận doanh thu thuần đạt 556 tỷ đồng, tăng 44,5% svck và 13,5% so với quý trước. Doanh thu trên mỗi cửa hàng quy đổi đạt 15,4 tỷ đồng (+27% svck), cao hơn 10% so với giả định trước đây của chúng tôi. Kết quả này được hỗ trợ bởi lưu lượng hành khách quốc tế duy trì tích cực đặc biệt tại các sân bay trọng điểm nơi AST có hiện diện lớn như Đà Nẵng (+29% so với cùng kỳ), Cam Ranh (+19,5%) và Phú Quốc (+46,6%). Trên cơ sở kết quả kinh doanh vượt kỳ vọng và triển vọng tích cực của lượng khách quốc tế, chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo doanh thu của AST trong giai đoạn 2026–2027 lần lượt thêm 6,8%/16,3% so với dự báo trước, trong đó:

- **Mảng bán hàng lưu niệm:** Trong 6T/26, AST đã khai trương thêm 3 cửa hàng tại Nhà ga T2 Nội Bài mở rộng (+4.9% so với đầu năm). Chúng tôi dự báo doanh thu mảng này đạt 566 tỷ đồng trong năm 2026 (+18,4% svck; cao hơn 6,1% so với dự báo trước), chủ yếu nhờ sự đóng góp từ các cửa hàng mới.
- **Mảng nhà hàng và đồ ăn nhanh:** Trong Q1/26, doanh thu quy đổi bình quân trên mỗi cửa hàng đạt 10,9 tỷ đồng/năm, cao hơn 18% so với dự báo trước của chúng tôi. Theo đó, chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo doanh thu mảng này lên 575 tỷ đồng (+44% svck; cao hơn 23% so với dự báo trước), nhờ (1) bổ sung một cửa hàng mới tại Nhà ga T2 Nội Bài mở rộng và (2) nâng giả định doanh thu bình quân mỗi cửa hàng lên 11 tỷ đồng/năm (so với 9,2 tỷ đồng trước đây), phản ánh xu hướng kinh doanh tích cực trong Q1/26.
- **Mảng phòng chờ thương gia:** Chúng tôi đánh giá đây là mảng có dự địa tăng trưởng dài hạn nhờ sự gia tăng của tầng lớp trung lưu và nhu cầu sử dụng dịch vụ cao cấp tại các sân bay trọng điểm. Trong Q1/26, doanh thu quy đổi trên mỗi phòng chờ đạt 41,3 tỷ đồng/năm (+18%

svck, cao hơn 22% so với dự báo trước) nhờ lưu lượng khách nội địa tích cực trong Q1/26. Chúng tôi dự báo doanh thu mảng này đạt 292 tỷ đồng trong năm 2026 (+39% svck, +22,6% so với dự báo trước), với doanh thu bình quân mỗi phòng chờ đạt khoảng 38 tỷ đồng/năm (+11% svck), được hỗ trợ chủ yếu bởi tỷ lệ sử dụng dịch vụ ngày càng cao của khách nội địa.

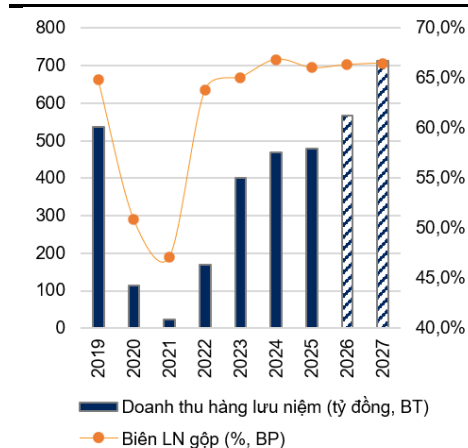
- **Mảng bán hàng miễn thuế:** Trong 6T/26, AST đã đưa vào hoạt động 2 cửa hàng miễn thuế mới tại Nhà ga T2 Nội Bài mở rộng (+25% so với đầu năm). Với số lượng điểm bán tăng lên cùng triển vọng lưu lượng khách quốc tế tiếp tục gia tăng đặc biệt từ các thị trường có mức chi tiêu cao như Mỹ và châu Âu, chúng tôi dự báo doanh thu mảng bán hàng miễn thuế tăng 30% trong năm 2026.

Trong năm 2027, AST có nhiều cơ hội mở rộng hoạt động kinh doanh trong các nhà ga, sân bay mới. Các dự án đáng chú ý gồm:

- Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1: Dự kiến đi vào hoạt động từ tháng 12/2026 với công suất thiết kế 25 triệu hành khách mỗi năm.
- Mở rộng cảng hàng không quốc tế Phú Quốc: Dự kiến hoàn thành trong năm 2027, nâng công suất thiết kế lên 20 triệu hành khách/năm (gấp 4,5 lần hiện tại).
- Cảng hàng không quốc tế Gia Bình: Giai đoạn 1.1 dự kiến hoàn thành trong năm 2027 để phục vụ Hội nghị Cấp cao APEC 2027. Sau đó sẽ tiếp tục hoàn thành toàn bộ giai đoạn 1, dự kiến đạt công suất phục vụ 30 triệu hành khách vào năm 2030.

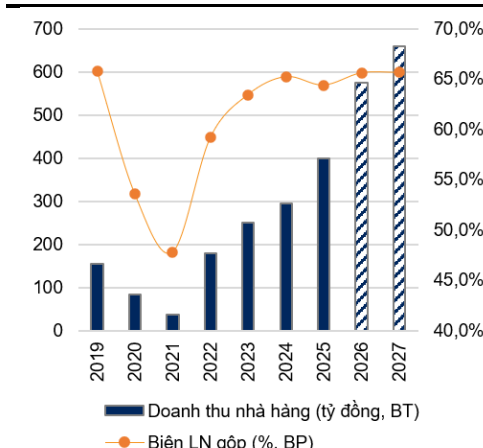
Tuy nhiên, do những dự án này vẫn đang trong quá trình xây dựng và AST chưa công bố kế hoạch chi tiết liên quan đến phân bổ mặt bằng hay số lượng điểm bán, chúng tôi chưa đưa giả định này vào mô hình định giá.

Hình 6: Dự phóng doanh thu và biên gộp của mảng bách hóa lưu niệm



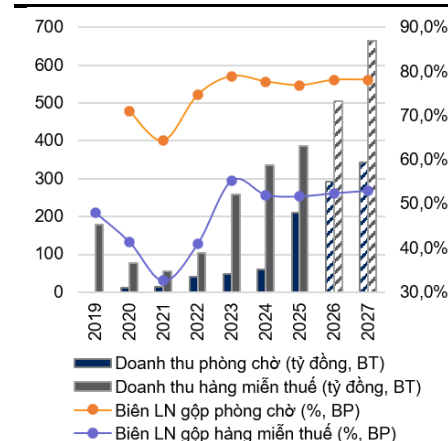
Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 7: Dự phóng doanh thu và biên gộp của mảng F&B



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: Dự phóng doanh thu và biên gộp của mảng phòng chờ và hàng miễn thuế



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

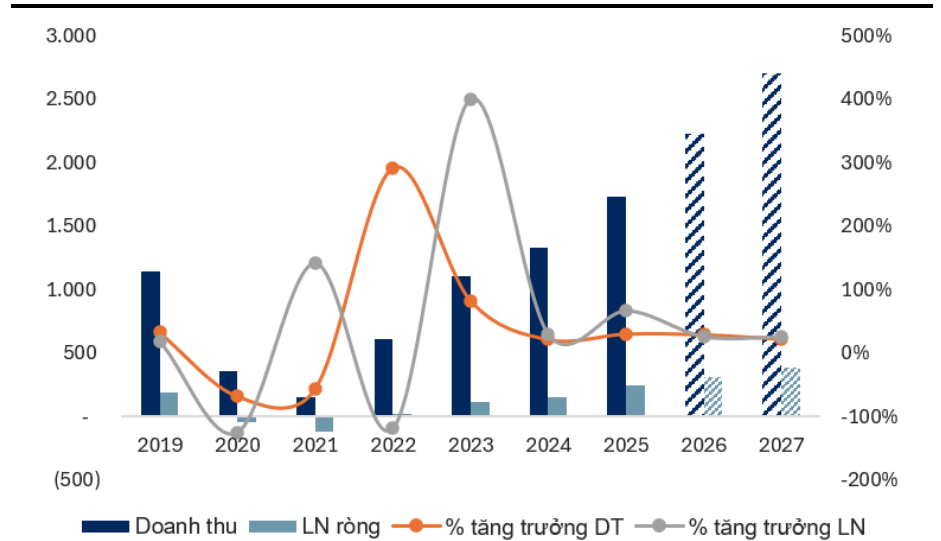
Mảng suất ăn hàng không hưởng lợi dài hạn từ dự án Long Thành, hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận ròng của AST

Chúng tôi cho rằng mảng suất ăn hàng không sẽ tiếp tục mở rộng dư địa tăng trưởng dài hạn thông qua công ty liên kết VINACS (AST sở hữu 29,3%). Việc khởi công nhà máy suất ăn Long Thành vào tháng 4/2025 đánh dấu bước mở rộng quan trọng, giúp VINACS hoàn thiện mạng lưới cung ứng tại ba sân bay quốc tế trọng điểm gồm Nội Bài, Cam Ranh và Long Thành. Với tổng mức đầu tư 621 tỷ đồng, dự án dự kiến đưa vào vận hành từ cuối năm 2026, nâng tổng

công suất từ 20.000 lên 40.000 suất ăn/ngày, tạo nền tảng tăng trưởng khi sân bay Long Thành đi vào khai thác.

VINACS cũng nhận được sự hỗ trợ về vận hành và quản trị từ tập đoàn Sojitz (Nhật Bản), góp phần nâng cao hiệu quả khai thác. Trong Q1/26, AST ghi nhận 12,7 tỷ đồng lợi nhuận được chia từ công ty liên kết. Trên cơ sở kết quả kinh doanh vượt kỳ vọng trong Q1/26 cùng triển vọng tăng trưởng từ nhà máy Long Thành, chúng tôi dự báo phần lợi nhuận sau thuế được chia từ VINACS sẽ đạt lần lượt 27 tỷ đồng và 42 tỷ đồng trong giai đoạn 2026–2027. Theo đó, chúng tôi nâng dự báo lợi nhuận ròng của AST lên 308 tỷ đồng trong năm 2026 (+25% svck; cao hơn 10% so với dự báo trước) và 385 tỷ đồng trong năm 2027 (+24,9% svck; cao hơn 23,9% so với dự phóng trước).

Hình 9: Dự phóng doanh thu, lợi nhuận năm 2026-27



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Cập nhật về kế hoạch sửa chữa nhà ga T1 Tân Sơn Nhất.

ACV hiện đang nghiên cứu phương án điều chỉnh hoạt động khai thác tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất nhằm phục vụ kế hoạch cải tạo Nhà ga T1 (hiện chỉ có VJC khai thác). Theo phương án đang được xem xét, một phần chuyến bay của VJC có thể được điều chuyển sang Nhà ga T3, trong khi phần còn lại sẽ tiếp tục khai thác tại khu vực Nhà ga T1 sau khi được tổ chức lại. Tuy nhiên, ACV hiện chưa công bố thời điểm triển khai cũng như quy mô điều chỉnh chuyến bay.

Chúng tôi cho rằng việc Nhà ga T1 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất dự kiến được sửa chữa trong giai đoạn tới sẽ tạo tác động tích cực đối với AST. Mặc dù doanh thu tại 6 điểm kinh doanh của công ty tại Nhà ga T1 có thể chịu ảnh hưởng trong ngắn hạn, phần lớn lưu lượng hành khách nội địa dự kiến sẽ được điều chuyển sang Nhà ga T3 – nơi AST đang khai thác 19 điểm kinh doanh, bao gồm các cửa hàng bán lẻ, nhà hàng và phòng chờ thương gia. Với mạng lưới điểm bán lớn cùng vị trí thương mại thuận lợi tại T3, chúng tôi kỳ vọng AST sẽ hưởng lợi từ sự gia tăng lưu lượng hành khách, qua đó bù đắp phần doanh thu suy giảm tại T1 và hỗ trợ tăng trưởng doanh thu trong giai đoạn sửa chữa.

Định giá: Chúng tôi khuyến nghị Khả quan với giá mục tiêu 84.500 đồng

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **Khả quan** đối với cổ phiếu AST với tiềm năng tăng giá 34,1%, giá cổ phiếu đã tăng 9% kể từ báo cáo gần nhất. Giá mục tiêu được điều chỉnh tăng 18%, dựa trên phương pháp định giá kết hợp với tỷ trọng 50%/50% giữa mô hình chiết khấu dòng tiền (DCF) và phương pháp P/E.

Việc điều chỉnh giá mục tiêu phản ánh tác động tổng hợp của: (1) cập nhật mô hình định giá từ năm cơ sở 2025 sang 2026; 2) điều chỉnh tăng dự báo EPS giai đoạn 2026-2027 lần lượt 10% và 23,9% so với dự báo trước; 3) điều chỉnh giả định WACC từ 11% lên 13,6% do tăng lãi suất phi rủi ro từ 3% lên 4,4% (theo lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam kỳ hạn 10 năm tính đến ngày 10/07/2026) và áp dụng phần bù rủi ro thị trường ở mức 9,2% (**dựa trên báo cáo cập nhật của Damodaran** về phần bù rủi ro thị trường ngày 01/04/2026) và (4) giảm mức P/E mục tiêu từ 16,5x xuống 15x, tương đương mức trung bình hai năm của AST và cao hơn mức P/E hiện tại là 11,6x.

Với kỳ vọng lợi nhuận sau thuế của AST tăng trưởng kép bình quân 25% trong giai đoạn 2026–2027, chúng tôi cho rằng cổ phiếu xứng đáng được giao dịch ở mức định giá cao hơn so với hiện tại.

Hình 10: Tóm tắt định giá

Phương pháp	Giá	Tỷ trọng	Giá theo tỷ trọng
FCFF	83.406	50%	41.703
P/E	85.583	50%	42.792
Giá trung bình (đồng)			84.495
P/E 2024			18,5
Giá mục tiêu (Làm tròn)			84.500

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 11: Phương pháp P/E

Lợi nhuận sau thuế để tính EPS năm 2026 (tỷ đồng)	308
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (triệu CP)	54
EPS pha loãng 2026 (đồng)	5.706
P/E mục tiêu	15
Định giá 2025 (đồng)	85.583

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: Giả định

Chi phí sử dụng vốn	
Beta	1,0
Phần bù rủi ro thị trường	9,2%
Lãi suất phi rủi ro	4,4%
Chi phí vốn CSH	13,6%
Chi phí sử dụng nợ	10,0%
Thuế DN	20,0%
WACC	13,3%

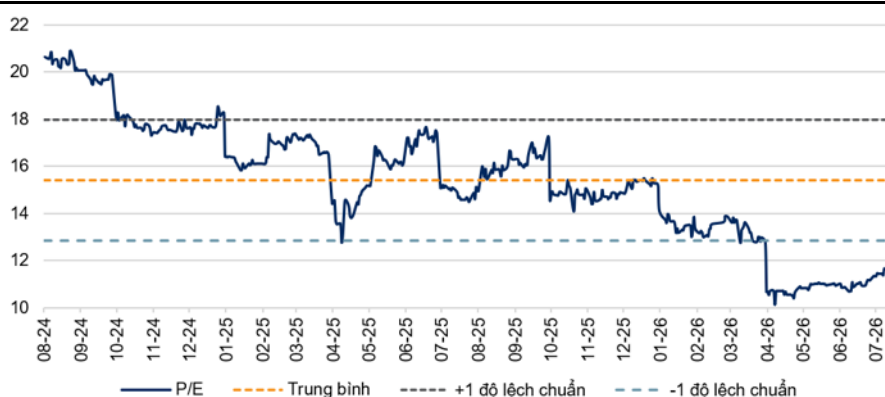
Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: Giá mục tiêu (DCF)

Phương pháp DCF	Giá trị
Giá trị hiện tại của dòng tiền tự do	3.041
Giá trị hiện tại của năm cuối mô hình	2.305
Giá trị doanh nghiệp	5.346
Tiền và tương đương tiền	225
Tổng nợ	72
Giá trị vốn CSH	4.504
SL cổ phiếu	54
Giá cổ phiếu	83.406

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: P/E lịch sử 2 năm



Nguồn: Bloomberg, VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: Bảng phân tích độ nhạy

Tỷ lệ tăng trưởng dài hạn	WACC							
		11,8%	12,3%	12,8%	13,3%	13,8%	14,3%	14,8%
1,0%	85.300	84.300	83.400	82.600	81.800	81.100	80.400	
1,5%	86.500	85.400	84.400	83.500	82.700	81.900	81.200	
2,0%	87.800	86.600	85.500	84.500	83.600	82.800	82.000	
2,5%	89.200	87.900	86.700	85.600	84.600	83.700	82.900	
3,0%	90.900	89.400	88.000	86.800	85.700	84.700	83.800	

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: So sánh các doanh nghiệp cùng ngành (17/07/2026)

Công ty	Mã	Quốc gia	Vốn hóa	Doanh thu 12T	%svck	LN ròng 12T	%svck	D/E	ROE	P/E	P/E điều	P/B
			triệu USD	triệu USD	%	triệu USD	%	%	%	x	x	x
Aeroporto Guglielmo Marconi Di	ADB IM	IT	421	216	8,4	28,2	1,3	43,5	10,7	15,2	14,0	1,6
CTCP Dịch vụ Hàng không sân bay TSN	SAS VN	VN	193	128	14,1	26,7	65,0	-	34,9	8,3	8,3	2,7
Xiamen International Airport C	600897 CH	CN	887	292	8,5	76,6	16,8	2,6	10,7	12,9	9,1	1,2
CTCP Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài	NAS VN	VN	10	25	21,2	1,1	(1,2)	105,8	28,6	9,7	9,7	2,4
SATS Ltd	SATS SP	SG	5.330	4.923	9,0	236,7	17,0	140,8	10,7	25,0	21,5	2,5
Trung vị			421,1	216,1	9,0	28,2	16,8	43,5	10,7	12,9	9,7	2,4
Trung bình			1.368,2	1.116,7	12,2	73,9	19,8	58,5	19,1	14,2	12,5	2,1
CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco	AST VN	VN	129	72	38,0	14,5	82,7	5,0	46,7	11,6	11,6	4,9

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, BLOOMBERG

Động lực tăng giá: 1) lượng khách quốc tế tăng nhanh hơn kỳ vọng, 2) số lượng cửa hàng mở mới và tăng trưởng doanh thu trên mỗi cửa hàng cao hơn dự phóng và 3) mở rộng hoạt động kinh doanh sang các sân bay mới (LTIA).

Rủi ro giảm giá: 1) số cửa hàng mở mới và tốc độ tăng trưởng doanh thu trên mỗi cửa hàng thấp hơn kỳ vọng và 2) tác động từ suy thoái kinh tế: Trong thời kỳ kinh tế suy giảm hoặc lạm phát gia tăng, nhu cầu du lịch quốc tế có xu hướng giảm, ảnh hưởng trực tiếp đến nhóm khách hàng cốt lõi của AST.

Phụ lục 1: Tổng quan doanh nghiệp

CTCP Dịch vụ hàng không Taseco (AST), tiền thân là CTCP Dịch vụ hàng không Taseco Nội Bài, có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bán lẻ tại sân bay, bắt đầu với cửa hàng đầu tiên tại sân bay quốc tế Nội Bài vào năm 2005. Sau khi chuyển đổi sang mô hình Tổng công ty, AST đã hợp nhất với các công ty con khác của Tập đoàn Taseco hoạt động tại Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng (DIA) và sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất (TIA) để trở thành công ty dẫn đầu trong lĩnh vực kinh doanh bán lẻ sân bay của Việt Nam. Công ty chính thức niêm yết trên sàn HOSE vào T1/2018.

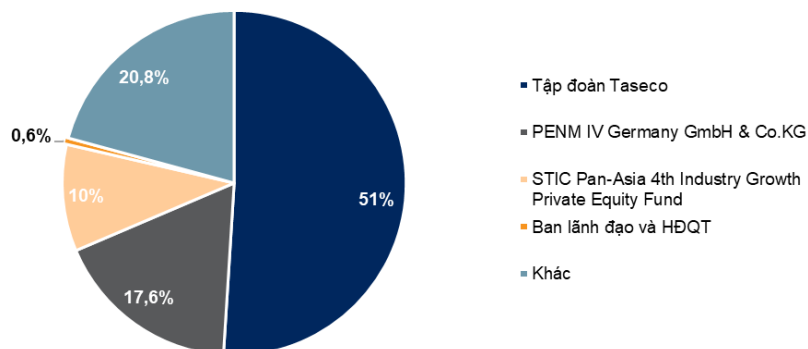
Hình 17: Cấu trúc doanh nghiệp của AST



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

Cơ cấu cổ đông của AST cho thấy tỷ lệ cổ phiếu tự do lưu hành thấp. Tập đoàn Taseco hiện là cổ đông lớn nhất, nắm giữ 51% cổ phần. Công ty có cổ đông chiến lược là quỹ đầu tư tư nhân châu Âu PENM IV, nắm giữ 17,6% cổ phần, với 20 năm kinh nghiệm đầu tư tại Việt Nam – từng đầu tư vào Tập đoàn Masan (HOSE: MSN) và Tập đoàn Hòa Phát (HOSE: HPG). Ngoài ra, quỹ đầu tư STIC Pan-Asia 4th Industry Growth Private Equity Fund do STIC Investments quản lý cũng sở hữu 10% cổ phần. Tỷ lệ cổ phiếu tự do lưu hành của AST hiện chỉ ở mức khoảng 20,8%, tương đương ~10,8 triệu cổ phiếu.

Hình 18: Cơ cấu cổ đông của AST

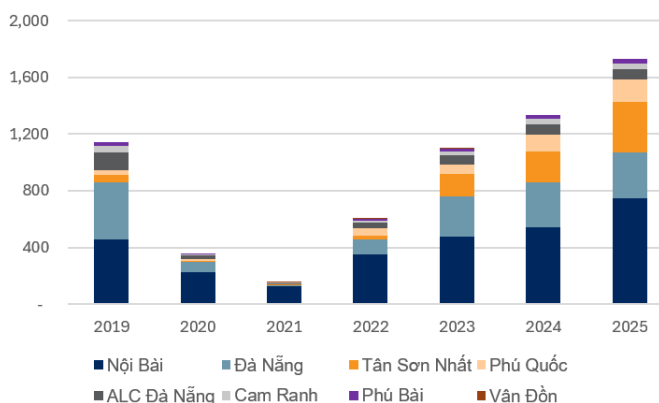


Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

Cơ cấu doanh thu đa dạng trải dài khắp các khu vực và theo nhiều lĩnh vực kinh doanh. Trong đó:

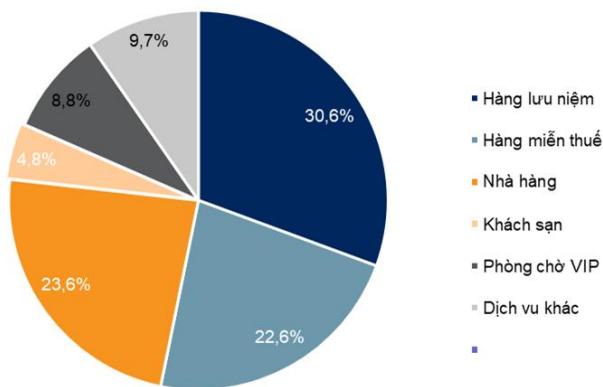
- Trong các năm trước, AST tập trung hoạt động kinh doanh chủ yếu tại sân bay Nội Bài và Đà Nẵng, với tỷ trọng doanh thu lần lượt đạt 43% và 18% trong năm 2024. Đến năm 2025, công ty mở thêm 19 điểm kinh doanh tại Nhà ga T3 của sân bay Tân Sơn Nhất, qua đó nâng tỷ trọng doanh thu từ sân bay này từ 16,2% trong năm 2024 lên 20,5%. Động thái mở rộng này phản ánh chiến lược phân bổ hoạt động đồng đều hơn giữa các sân bay, nhằm đón đầu xu hướng mở rộng hạ tầng hàng không, đồng thời giảm sự phụ thuộc vào các thị trường trọng điểm truyền thống.
- Xét theo cơ cấu doanh thu các lĩnh vực kinh doanh, AST sở hữu nguồn doanh thu đa dạng nhờ cung cấp hầu hết các dịch vụ bán lẻ chủ chốt tại sân bay. Trong đó, mảng bách hóa lưu niệm đóng góp tỷ trọng doanh thu lớn nhất, tiếp theo là nhà hàng, cửa hàng miễn thuế và phòng chờ VIP. Sự đa dạng hóa này giúp doanh thu ổn định hơn và cho phép công ty khai thác nhiều nhu cầu khác nhau của khách du lịch.

Hình 19: Doanh thu AST theo hai mảng chính



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

Hình 20: Tỷ trọng doanh thu của AST theo phân khúc



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

Phụ lục 2: Tóm tắt KQKD Q1/26: Lợi nhuận tăng trưởng mạnh mẽ

Hình 21: Tóm tắt KQKD Q1/26

(tỷ đồng)	Q1/26	Q1/25	% svck	sv dự phóng cả năm
Doanh thu thuần	556	385	44.5%	26.5%
Giá vốn hàng bán	191	142	34.4%	25.3%
Biên lợi nhuận gộp	365	243	50.4%	27.1%
Chi phí BH&QLDN	231	160	44.7%	25.7%
Thu nhập tài chính thuần	2	4	-52.9%	38.5%
Lợi nhuận trước thuế	154	89	72.7%	33.8%
Lợi nhuận ròng	101	55	84.6%	36.0%
Biên LN gộp	65.6%	63.0%	2.6 đ %	
Biên LN ròng	18.2%	14.2%	3.9 đ %	

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

Doanh thu Q1/26 tăng trưởng mạnh nhờ lưu lượng hành khách tích cực

Trong Q1/26, AST ghi nhận doanh thu thuần đạt 556 tỷ đồng, tăng 44,5% svck và 13,5% so với quý trước. Kết quả này được hỗ trợ bởi: 1) lưu lượng hành khách duy trì tương đối ổn định bất chấp những bất định liên quan đến căng thẳng tại Trung Đông, bắt đầu gia tăng từ tháng 3 và dự kiến sẽ có tác động rõ rệt hơn từ quý 2 trở đi. Trong Q1/26, khách quốc tế đạt 14 triệu lượt (+19,4% svck), trong khi khách nội địa đạt 20,4 triệu lượt (+12,6% svck), với mức tăng trưởng đặc biệt tích cực tại các sân bay trọng điểm nơi AST có hiện diện mạnh, bao gồm Đà Nẵng (+29% svck), Cam Ranh (+19,5% svck) và Phú Quốc (+46,6% svck); và 2) việc mở rộng mạng lưới bán lẻ của AST tiếp tục hỗ trợ doanh thu, với 19 cửa hàng mới được mở từ Q2/25 tại Nhà ga T3 Tân Sơn Nhất và 2 cửa hàng mới trong Q1/26 tại Nhà ga T2 Nội Bài mở rộng.

Biên lợi nhuận gộp tiếp tục mở rộng nhờ cơ cấu doanh thu thuận lợi

Trong Q1/26, lợi nhuận gộp tăng 50,4% svck, đạt 365 tỷ đồng, trong khi biên lợi nhuận gộp mở rộng 2,6 điểm % svck và 2,8 điểm % so với quý trước. Sự cải thiện biên lợi nhuận đến từ: (1) tỷ trọng đóng góp gia tăng từ các mảng có biên lợi nhuận cao như phòng chờ VIP và F&B; (2) tỷ trọng doanh thu từ khách quốc tế tăng lên, vốn có biên lợi nhuận cao hơn so với hoạt động nội địa; và (3) hiệu quả vận hành tiếp tục được cải thiện.

Chi phí BH&QLDN tăng tương ứng với doanh thu

Trong Q1/26, chi phí BH&QLDN tăng 44,7% svck, đạt 231 tỷ đồng, tương ứng với tốc độ tăng trưởng doanh thu. Do đó, tỷ lệ chi phí BH&QLDN/doanh thu duy trì ổn định svck ở mức ~41,5% và giảm nhẹ so với quý trước (43% trong Q4/25), cho thấy công ty tiếp tục kiểm soát chi phí vận hành hiệu quả.

KQKD Q1/26 vượt kỳ vọng

Nhìn chung, lợi nhuận ròng Q1/26 của AST tăng 84,6% svck, đạt 101 tỷ đồng, vượt kỳ vọng, tương đương 36% dự báo cả năm của chúng tôi

Phụ lục 3: Dự phóng tài chính

Báo cáo KQKD								
(Tỷ VND)	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027
Doanh thu thuần	359	154	604	1.100	1.330	1.727	2.223	2.702
Bán lẻ sân bay	338	148	565	1.038	1.261	1.657	2.129	2.594
Khách sạn	21	6	38	61	69	70	94	107
Giá vốn hàng bán	(209)	(111)	(284)	(460)	(517)	(631)	(789)	(952)
Lợi nhuận gộp	150	43	319	639	813	1.096	1.434	1.750
Chi phí quản lý DN	(89)	(76)	(121)	(168)	(180)	(222)	(283)	(343)
Chi phí bán hàng	(216)	(150)	(285)	(482)	(568)	(739)	(972)	(1.185)
LN hoạt động	(65)	(107)	34	158	246	357	462	565
EBITDA thuần	(26)	(69)	72	193	280	397	501	612
Chi phí khấu hao	40	38	37	36	34	40	38	45
LN HĐ trước thuế & lãi vay	(65)	(107)	34	158	246	357	462	565
Thu nhập tài chính	26	10	10	17	18	16	11	11
Chi phí tài chính	(3)	(3)	(4)	(5)	(4)	(4)	(8)	(6)
Thu nhập ròng khác	6	(6)	2	7	(0)	(9)	5	6
Thu nhập từ các công ty LDLK	(12)	(22)	(3)	0	(3)	17	27	42
Lợi nhuận trước thuế	(49)	(128)	39	178	256	377	496	618
Chi phí thuế	(2)	(0)	(5)	(27)	(54)	(54)	(94)	(115)
Lợi nhuận ròng	(49)	(118)	23	116	149	246	308	385

Bảng CĐKT								
(Tỷ VND)	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027
Tiền & Tương đương tiền	40	9	73	101	135	212	462	720
Đầu tư tài chính ngắn hạn	194	149	143	240	297	212	196	238
Các khoản phải thu ngắn hạn	17	23	23	26	31	71	96	116
Hàng tồn kho	48	28	54	101	87	113	149	187
Tài sản ngắn hạn khác	14	12	14	20	25	37	41	50
Tổng tài sản ngắn hạn	363	282	350	520	606	688	1.090	1.417
Tài sản cố định	117	98	94	111	112	183	305	322
Tổng tài sản đầu tư	79	57	62	69	64	84	84	84
Tài sản dài hạn khác	19	16	18	26	28	40	52	63
Tổng tài sản	625	503	579	761	853	1.031	1.564	1.918
Nợ vay ngắn hạn	44	45	31	24	46	58	70	60
Phải trả người bán ngắn hạn	20	22	40	61	70	78	100	122
Phải trả ngắn hạn khác	7	6	10	25	38	64	82	99
Tổng nợ ngắn hạn	84	87	116	171	234	344	438	507
Nợ vay dài hạn	1	3	8	2	1	-	2	1
Vốn góp của chủ sở hữu	450	450	450	450	450	450	540	540
Lợi nhuận giữ lại	40	(77)	(55)	55	76	137	391	560
Vốn chủ sở hữu	540	412	455	588	618	687	1.124	1.410
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng nợ và VCSH	625	503	579	761	853	1.031	1.564	1.918

Báo cáo LCTT								
(Tỷ VND)	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027
Lợi nhuận trước thuế	(49)	(128)	39	178	256	380	496	618
Khấu hao	40	38	37	36	34	40	38	45
Thuế đã nộp	(20)	(1)	(4)	(14)	(45)	(59)	(94)	(115)
Các khoản điều chỉnh khác	7	52	31	10	(22)	(47)	(62)	(79)
Thay đổi vốn lưu động	(43)	(8)	28	(9)	27	(23)	12	61
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	(86)	(84)	98	178	261	311	446	600
Đầu tư TSCĐ	(10)	(16)	(24)	(42)	(45)	(112)	(160)	(61)
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	8	1	0	10	4	0	0	0
Các khoản khác	(14)	52	(13)	(105)	(57)	85	16	(42)
Thay đổi tài sản dài hạn khác	18	15	10	11	15	14	(11)	(11)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐĐT	2	52	(27)	(125)	(83)	(12)	(156)	(115)
Thu từ PH CP, nhận góp VCSH	0	0	4	0	14	0	0	0
Trả vốn góp CSH, mua CP quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0
Tiền vay rộng nhận được	41	3	(10)	(12)	21	12	13	(11)
Dòng tiền từ HĐ tài chính khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Cổ tức	(137)	(2)	0	(13)	(179)	(232)	(54)	(216)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐTC	(96)	1	(6)	(25)	(145)	(221)	(41)	(227)
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	220	40	9	73	101	135	212	462
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(180)	(31)	64	28	33	78	250	258
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	40	9	73	101	135	212	462	720

Chỉ số định giá	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027
EPS (VND)	(1.089)	(2.623)	514	2.140	2.752	4.564	5.706	7.126
P/E	-50,3	-19,3	105,7	22,5	19,8	16,9	11,0	8,8
PEG 1 năm	0,4	N/a	N/a	0,1	0,7	0,3	0,4	0,4
P/S	5,5	11,9	4,1	2,0	1,8	2,0	1,3	-
P/B	4,6	5,5	5,4	3,7	4,0	5,0	3,0	2,4
Tỷ suất cổ tức	5,6%	0,1%	0,0%	0,6%	7,3%	6,7%	1,6%	6,3%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	N/a	N/a	0,0%	8,7%	88,5%	72,2%	13,4%	43,0%
Chỉ số tăng trưởng	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027
Tăng trưởng doanh thu	-68,5%	-57,1%	291,8%	82,2%	20,9%	29,8%	28,7%	21,6%
Tăng trưởng LN gộp	-75,7%	-71,4%	643,5%	100,2%	27,2%	34,8%	30,8%	22,1%
Tăng trưởng LN ròng	-125,7%	140,8%	-119,6%	399,3%	28,6%	65,8%	25,0%	24,9%
Tăng trưởng EPS	-125,7%	140,8%	-119,6%	316,1%	28,6%	65,8%	25,0%	24,9%
Chỉ số hiệu quả sinh lời	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027
Biên LN gộp	41,7%	27,9%	52,9%	58,1%	61,1%	63,5%	64,5%	64,8%
Biên EBITDA	-7,1%	-45,1%	11,9%	17,6%	21,0%	23,0%	22,5%	22,6%
Biên LN hoạt động	-18,2%	-69,7%	5,7%	14,3%	18,5%	20,7%	20,8%	20,9%
Biên LN ròng	-14,3%	-83,4%	5,6%	13,7%	15,2%	18,6%	18,1%	18,6%
ROAA	-6,5%	-20,9%	4,3%	17,2%	18,4%	26,2%	23,7%	22,1%
ROAE	-8,3%	-24,8%	5,3%	22,2%	24,6%	37,8%	34,0%	30,4%
Chỉ số đòn bẩy	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027
Khả năng trả lãi vay (EBIT/Lãi vay)	N/a	N/a	12,6	94,1	110,6	96,1	72,0	100,3
EBITDA/(Lãi vay + CAPEX)	-2,2	-3,8	2,6	4,5	5,9	3,4	3,0	9,0
Nợ vay/ Vốn	0,1	0,1	0,1	0,0	0,1	0,1	0,1	0,0
Nợ vay/ VCSH	0,1	0,1	0,1	0,0	0,1	0,1	0,1	0,0
Nợ vay ròng/ VCSH	(0,4)	(0,3)	(0,4)	(0,5)	(0,6)	(0,5)	(0,5)	(0,6)
Chỉ số thanh khoản	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027
Vòng quay tổng tài sản	0,5	0,3	1,1	1,6	1,6	1,8	1,7	1,6
Vòng quay khoản phải thu	21,1	7,7	26,3	44,7	46,9	33,9	26,6	25,5
Số ngày phải thu	17,0	46,5	13,7	8,1	7,7	10,6	13,5	14,1
Vòng quay khoản phải trả	5,6	5,3	9,1	9,1	7,9	8,6	8,9	8,6
Số ngày phải trả	64,5	68,2	39,4	39,6	45,6	42,0	40,5	41,9
Vòng quay hàng tồn kho	2,8	2,9	6,9	6,0	5,5	6,3	6,0	5,7
Số ngày tồn kho	129,4	123,9	51,8	60,3	65,2	57,0	59,8	63,5
Hệ số thanh toán hiện hành	8,3	6,2	11,4	21,6	13,1	11,8	15,7	23,7
Hệ số thanh toán nhanh	5,2	3,3	5,6	12,9	9,2	7,3	9,2	15,9

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự phóng và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này.

VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VNDIRECT

Khuyến nghị cổ phiếu

Định nghĩa:

KHẢ QUAN Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên trong vòng 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -10% đến 15% trong vòng 12 tháng tới

KÉM KHẢ QUAN Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -10% trong vòng 12 tháng tới.

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Khuyến nghị ngành

Định nghĩa:

TÍCH CỰC Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tích cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

TRUNG TÍNH Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị trung bình, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

TIÊU CỰC Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tiêu cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

Hoàng Việt Phương – Giám đốc Khối Phân tích

Email: phuong.hoangviet@vndirect.com.vn

Phạm Thị Bích Ngọc – Trưởng phòng Tiêu dùng bán lẻ và Hàng không

Email: ngoc.phambich@vndirect.com.vn

Nguyễn Thị Quyên – Chuyên viên Phân tích

Email: quyen.nguyen2@vndirect.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: +84 2439724568

Email: research@vndirect.com.vn

Website: <https://vndirect.com.vn>